

Đam Rông, ngày 11 tháng 4 năm 2018

Số: 11/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 62/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017, giữa:

*** Nguyên đơn:** Ông **Y Túc N**; Sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Thôn B, xã Cư M'T, huyện N, tỉnh L.

*** Bị đơn:** Bà **Kơ Să Ma Lô R**; Sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện R, tỉnh Đ.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 và Điều 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Y Túc N và bà Kơ Să Ma Lô R.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Bà Kơ Să Ma Lô R trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Kơ Să Y G, sinh ngày 26 tháng 5 năm 2014 và cháu Kơ Să Y P, sinh ngày 28 tháng 8 năm 2015 cho tới khi cháu Kơ Să Y G và cháu Kơ Să Y P đủ 18 tuổi.

Ông Y Túc N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con chung với số tiền là 2.000.000 đồng trên một tháng (1.000.000 đồng trên một tháng trên một cháu, hai cháu là 2.000.000 đồng) cho tới khi cháu Kơ Să Y G và cháu Kơ Să Y P đủ 18 tuổi. Thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2018.

Quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về án phí: Ông Y Túc N phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung nhưng được trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) Ông Y Túc N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2016/0003430 ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đam Rông;
- UBND xã Đ,
- huyện R, tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đặng Ngọc Bình